

Số: 315 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 08/10/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình

Địa chỉ: Số 60 đường Lê Thành Đồng, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Mã số thuế: 3100131925

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa chất công trình và vật liệu xây dựng (LAS-XD 169)

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 60 đường Lê Thành Đồng, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 169

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Công ty CP TVXD giao thông Quảng Bình;
- SXD tỉnh Quảng Bình;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT. *AA*

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 169**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: 315 /GCN-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022)*

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 AASHTO T100; ASTM D854
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; AASHTO T265
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 AASHTO T89, T90; ASTM D4318
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T88; ASTM D2487
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995 AASHTO T236; ASTM D3080
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020 22 TCN 333-06; AASHTO T180, T99
	Khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	Sức chịu tải của đất trong phòng (CBR)	TCVN 12792:2020; 22 TCN 332-06 AASHTO T193; ASTM D1883
2	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ASTM C136, D546 AASHTO T27, T30, T37
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 AASHTO T84; ASTM C127, C128
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 AASHTO T85; ASTM C127
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng, độ ẩm	TCVN 7572-6:2006
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C142; AASHTO T112
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 AASHTO T21; ASTM C40
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM D4791

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
	Xác định hệ số (ES)	AASHTO T176
3	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993 AASHTO T119; ASTM C143
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003 AASHTO T128; ASTM C184
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191 AASHTO T129, T131
	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011 AASHTO T106; ASTM C109
5	THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM	
	Xác định độ kim lún ở 25 °C	TCVN 7495:2005 AASHTO T49; ASTM D5
	Xác định độ kéo dài ở 25 °C	TCVN 7496:2005 AASHTO T51; ASTM D113
	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO T53
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005 AASHTO T48; ASTM D92
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005 AASHTO T47; ASTM D6
	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005; ASTM D2042
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005 AASHTO T228; ASTM D70
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005 AASHTO T195; ASTM D3625
	Xác định chỉ số độ kim lún PI	Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT
6	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020
	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012
	Xác định độ ẩm	TCVN 12884-2:2020

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Tỷ trọng	TCVN 8735:2012
	Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
7	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 AASHTO T245; ASTM D1559
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164; ASTM D2172
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 AASHTO T27; ASTM C136
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 AASHTO T209; ASTM D2041
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đầm nén	TCVN 8860-5:2011 AASHTO T269; ASTM D3203
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
8	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014
	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:1995
	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
9	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003
	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003
10	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
11	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Xác định mô đun đàn hồi bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
	Xác định mô đun đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06
	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020 22TCN 02-71; TCVN 8729:2012

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

